

STT	Mã Xét Tuyển	Ngành Đào Tạo	Điểm Trúng Tuyển			
			Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập cấp trung học phổ thông (học bạ) (Phương thức xét tuyển 2)	Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026 (Phương thức xét tuyển 3)	Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) năm 2026 (Phương thức xét tuyển 4)	Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (Phương thức xét tuyển 5)
I	Đại học	Chương trình chuẩn				
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	22,54	22,56	23,02	22,6
2	7310101	Kinh tế	21,21	22,9	21,81	21,25
3	7310102	Kinh tế chính trị	17,37	17,37	21,33	18,6
4	7310108	Toán kinh tế	19,77	21,11	22,68	20,45
5	7310110	Quản lý kinh tế	21	22,75	22,39	21
6	7340116	Bất động sản	21,76	23,96	22,96	22
7	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	25,41	25,51	26,03	25,41
8	7380107	Luật kinh tế	23,41	23,44	23,85	23,47
9	7460108	Khoa học dữ liệu	23,2	23,35	23,39	23,23
10	7480107	Trí tuệ nhân tạo	17,09	21,66	24,14	16,5
II	Đại học	Chương trình đặc thù				
1	7810103DT	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	22,76	25,37	23,79	22,75
2	7810201DT	Quản trị khách sạn	22,2	22,2	22,2	22,25
3	7810202DT	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	20,35	21,18	21,35	20,35
III	Đại học	Chương trình tích hợp				
1	7340101TH	Quản trị kinh doanh	21,52	21,65	21,57	21,6
	7340115TH	Marketing	23,32	23,32	23,36	23,33
2	7340120TH	Kinh doanh quốc tế	23,06	23,08	23,09	23,09
3	7340201TH	Tài chính - Ngân hàng	20,57	20,66	20,92	20,6
4	7340205TH	Công nghệ tài chính	19,89	20,26	20,43	20
5	7340301TH	Kế toán	22,67	23,53	22,94	22,75
6	7340302TH	Kiểm toán	20,85	21,97	21,55	20,85
IV	Đại học	Chương trình Tiếng Anh toàn phần (Định hướng quốc tế)*				
1	7340101TP	Quản trị kinh doanh	21,47	23,97	25,81	24,25
2	7340115TP	Marketing	22,57	26,17	27,83	23,33
3	7340120TP	Kinh doanh quốc tế	24,08	27,09	27,8	26
4	7340201TP	Tài chính - Ngân hàng	23,01	29,77	28,31	22,25